

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 7 - 2020

V/v: TrA chấp ly hôn và nuôi con.

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THA HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đạt –Thẩm phán.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Ngọc Hưng;

2. Ông Lê Dũng Tấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Tố Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh ThA Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Minh.

Ngày 21 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh ThA Hóa, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 40/2020/TLST - HNGĐ ngày 04/3/2020 về việc trA chấp hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 27/5/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24/6/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* A Nguyễn Văn T, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Thôn A, xã XG, huyện Thọ Xuân, tỉnh ThA Hóa.

A T vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Trịnh Thị Ph, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Thôn M, xã TC, huyện Thiệu Hóa, tỉnh ThA Hóa.

Chị Ph vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 21/02/2020, bản tự khai ngày 04/3/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là A Nguyễn Văn T trình bày:

Giữa nguyên đơn và bị đơn là chị Trịnh Thị Ph kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thiệu Công, huyện Thiệu Hóa, tỉnh ThA Hóa vào ngày 09/01/2008. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp về tính tình, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, từ tháng 3 năm 2012 vợ chồng đã ly thân, chị Ph bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở

xã Thiệu Công huyện Thiệu Hóa sinh sống. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được, A T đề nghị Tòa án giải quyết cho A được ly hôn với chị Trịnh Thị Ph.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Trịnh Lan A, sinh ngày 02/12/2008, cháu Nguyễn Trịnh Huyền TR sinh ngày 12/5/2011 và cháu Nguyễn Trịnh Vương B sinh ngày 20/9/2012, cháu A đang ở với A T, cháu TR và cháu B đang ở với chị Ph; Ly hôn A đề nghị Tòa án giao cháu Nguyễn Trịnh Lan A cho A T trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Nguyễn Trịnh Huyền TR và cháu Nguyễn Trịnh Vương B cho chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản: A T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã thông báo triệu tập hợp lệ chị Trịnh Thị Ph nhiều lần đến Tòa án làm việc nhưng chị Ph không đến nên không có bản khai, không có ý kiến của chị Ph.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đã phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Trong quá trình từ khi thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật trA chấp. Căn cứ quy định của pháp luật, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, Nguyên đơn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy;

[1] Về tố tụng: Chị Trịnh Thị Ph đã được thông báo hợp lệ đến phiên hòa giải nhưng chị Ph không đến để tham gia phiên hòa giải, A T đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án, đây là trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Trịnh Thị Ph đã được thông báo và triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, A Nguyễn Văn T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt do đó căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt A T và chị Ph.

[2]. Về hôn nhân: A Nguyễn Văn T và chị Trịnh Thị Ph kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và không vi phạm các điều cấm của luật hôn nhân gia đình như vậy là hôn nhân hợp pháp. Thấy rằng quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2012 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp tính tình như ý kiến A T khai; Chị Ph bỏ về bên ngoại sinh sống. Mặc dù Tòa án đã thông báo tiến hành phiên hòa giải và 02 lần mở phiên tòa nhưng chị Ph vắng mặt, điều đó chứng tỏ chị Ph cũng không thiết tha, níu kéo hôn nhân; Điều này chứng tỏ cuộc sống vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục

đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho A T được ly hôn chị Ph là phù hợp.

[3]. Về con chung: A T khai nhận vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Trinh Lan A, sinh ngày 02/12/2008, cháu Nguyễn Trinh Huyền TR sinh ngày 12/5/2011 và cháu Nguyễn Trinh Vương B sinh ngày 20/9/2012, A T xuất trình cho Tòa án bản sao trích lục khai sinh của cháu A, cháu TR và cháu B có ghi họ tên mẹ là chị Trinh Thị Ph, họ tên bố là Nguyễn Văn T; Như vậy đủ cơ sở khẳng định các cháu Nguyễn Trinh Lan A, cháu Nguyễn Trinh Huyền TR và cháu Nguyễn Trinh Vương B là con chung của A T và chị Ph. Hiện cháu A đang ở với A T, cháu A có nguyện vọng được ở với A T, cháu TR và cháu B đang ở với chị Ph, cháu TR và cháu B có nguyện vọng ở với chị Ph nên chấp nhận yêu cầu của A T phù hợp với nguyện vọng của các cháu TR, A, Vương. Giao cháu TR và cháu Vương cho chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu A cho A T nuôi dưỡng là phù hợp; Nuôi con cái là trách nhiệm của cha mẹ, tuy nhiên chị Ph không có ý kiến gì về việc cấp dưỡng nên không xem xét về việc cấp dưỡng nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con giữa các bên sẽ tự bàn bạc thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi các bên có đơn khởi kiện

[4]. Về tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên miễn xét. Trong vụ án này, Hội đồng xét xử không biết được nội dung yêu cầu của chị Ph đối với phần tài sản giữa chị Ph và A T nếu có tài sản sẽ tự bàn bạc thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi các bên có đơn khởi kiện.

[5]. Về án phí: A T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên A T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1, Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 9; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho A Nguyễn Văn T được ly hôn chị Trinh Thị Ph.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Trinh Lan A, sinh ngày 02/12/2008 cho A Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu Nguyễn Trinh Huyền TR sinh ngày 12/5/2011 và cháu Nguyễn Trinh Vương B sinh ngày 20/9/2012 cho chị Trinh Thị Ph trực tiếp nuôi dưỡng. A T, chị Ph không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

A T, chị Ph có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc các bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: A T phải chịu tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba*

trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2017/0005678 ngày 04/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa, A T đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: A T, chị Ph có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- TAND tỉnh ThA Hóa;
- Thi hành án dân sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Văn Đạt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Dũng Tấn

Lê Ngọc Hưng

Hoàng Văn Đạt

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Đạt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Dũng Tấn

Lê Ngọc Hưng

Hoàng Văn Đạt